

Số: *MM* /2025/VSC

Hải Phòng, ngày *21* tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán** như sau:

Đơn vị tính: đồng					
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ tăng (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	259,917,492,635	161,503,033,533	98,414,459,102	60,94%

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần tăng 185 tỷ đồng, tương đương với tăng 14,19% so với cùng kỳ năm 2024.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con, đặc biệt là 03 Cảng Vip Greenport, Cảng Xanh Greenport và Cảng Nam Hải Đình Vũ đều tăng trưởng tương đối tốt về cả doanh thu và lợi nhuận đạt được.

Đối với hoạt động tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu tài chính tăng mạnh, chủ yếu từ việc ghi nhận lãi từ hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay kì này giảm 10,5 tỷ đồng, tương đương với giảm 11% so với cùng kỳ năm 2024.

Doanh thu tăng, đồng thời với việc tái cấu trúc và chuyển đổi số toàn hệ thống đã khiến Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn so với cùng kỳ năm 2024.

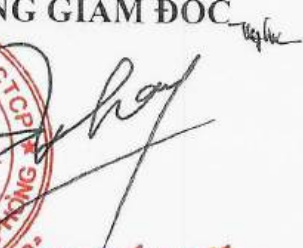
Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 tăng 98,414,459,102 đồng, tương ứng với tăng 60,94 % so với cùng kỳ năm 2024.



Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC 

TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Công Thông

53688-CTCP
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CONTAINER
VIỆT NAM
VICONSHIP
QU. NGŨ QUYỀN
TP. HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002	
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Chủ tịch (từ ngày 25/4/2025)
	Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (đến ngày 25/4/2025)
		Thành viên (từ ngày 25/4/2025)
	Ông Tạ Công Thông	Thành viên
	Ông Ninh Văn Hiến	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên
	Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)
	Bà Đoàn Thị Lan Anh	Trưởng ban (từ ngày 25/4/2025)
	Ông Nguyễn Đức Thành	Trưởng ban (đến ngày 25/4/2025)
	Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên
Ban Giám đốc	Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)
	Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)
	Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc
	Bà Trương Anh Thư	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Lâm	Giám đốc Tài chính
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/5/2025)
	Ông Nguyễn Thế Trọng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/1/2025)
Trụ sở chính	Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc
Công ty kiểm toán	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 từ trang 5 đến trang 61. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc của Công ty



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2025, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3823 0796

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Người được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 4195
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.856.221.396.120	1.811.557.308.602
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	676.759.173.937	546.631.384.396
111	Tiền		325.290.173.937	340.111.384.396
112	Các khoản tương đương tiền		351.469.000.000	206.520.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.721.383.996.451	806.333.297.341
121	Chứng khoán kinh doanh	10(a)	1.404.542.928.928	546.648.172.508
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	10(a)	(2.308.932.477)	(26.064.875.167)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10(b)	319.150.000.000	285.750.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		348.420.871.459	354.874.936.762
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	262.209.502.539	236.744.183.566
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	18.346.837.122	18.808.589.913
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	71.796.011.357	103.073.509.674
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(3.931.479.559)	(3.751.346.391)
140	Hàng tồn kho		44.757.119.623	47.470.252.892
141	Hàng tồn kho	7	44.757.119.623	47.470.252.892
150	Tài sản ngắn hạn khác		64.900.234.650	56.247.437.211
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	17.947.750.269	17.693.351.014
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	45.631.288.779	35.639.643.041
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	1.321.195.602	2.914.443.156
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.918.866.652.176	5.983.572.285.936
210	Các khoản phải thu dài hạn		3.654.576.352	3.624.576.352
216	Phải thu dài hạn khác		3.654.576.352	3.624.576.352
220	Tài sản cố định		3.597.773.642.908	3.611.422.058.657
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.374.789.814.328	1.347.446.163.423
222	Nguyên giá		4.348.636.652.616	4.195.839.269.027
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.973.846.838.288)	(2.848.393.105.604)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		4.178.454.496	4.466.623.768
225	Nguyên giá		5.187.601.567	5.187.601.567
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.009.147.071)	(720.977.799)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	2.218.805.374.084	2.259.509.271.466
228	Nguyên giá		2.321.484.100.260	2.320.997.600.260
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(102.678.726.176)	(61.488.328.794)
240	Tài sản dở dang dài hạn		396.378.000	396.378.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		396.378.000	396.378.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		757.902.336.457	759.362.263.714
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10(c)	757.747.336.457	759.207.263.714
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10(d)	155.000.000	155.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.559.139.718.459	1.608.767.009.213
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.125.719.898.733	1.152.722.738.658
268	Tài sản dài hạn khác		7.000.000.000	6.000.000.000
269	Lợi thế thương mại	11	426.419.819.726	450.044.270.555
270	TỔNG TÀI SẢN		8.775.088.048.296	7.795.129.594.538

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.704.970.346.880	2.899.013.876.257
310	Nợ ngắn hạn		1.443.589.856.777	715.021.123.705
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	97.388.354.786	107.683.328.347
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.061.564.575	4.173.913.884
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(c)	63.218.719.657	47.069.114.487
314	Phải trả người lao động	14	18.926.599.137	70.613.349.469
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	121.936.515.739	76.697.312.158
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	180.748.660
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	166.622.462.474	19.916.673.963
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	867.327.186.776	299.753.683.804
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	76.582.025.000	76.036.500.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	26.526.428.633	12.896.498.933
330	Nợ dài hạn		2.261.380.490.103	2.183.992.752.552
337	Phải trả dài hạn khác		1.758.625.000	785.400.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	1.741.021.574.723	1.650.298.938.156
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	517.134.453.438	530.378.777.454
342	Dự phòng phải trả dài hạn		1.465.836.942	2.529.636.942
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.070.117.701.416	4.896.115.718.281
410	Vốn chủ sở hữu		5.070.117.701.416	4.896.115.718.281
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	3.743.703.620.000	2.867.968.190.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.743.703.620.000	2.867.968.190.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	94.000.000	39.497.521.246
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	1.382.700.000	1.382.700.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	275.328.463.694	892.644.137.680
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	643.920.123.345	719.517.346.868
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		447.043.702.600	383.357.446.734
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này/năm nay		196.876.420.745	336.159.900.134
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	405.688.794.377	375.105.822.487
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.775.088.048.296	7.795.129.594.538


Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởngTạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.489.029.514.792	1.303.952.715.876
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.489.029.514.792	1.303.952.715.876
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(1.007.855.984.359)	(878.998.980.166)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	481.173.530.433	424.953.735.710
21	Doanh thu hoạt động tài chính	100.831.612.978	29.262.670.938
22	Chi phí tài chính	(81.729.336.748)	(97.099.174.451)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(85.747.296.236)	(96.251.605.086)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(1.266.741.083)	(10.052.562.557)
25	Chi phí bán hàng	(96.299.168.875)	(61.425.187.427)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(111.505.242.784)	(76.687.740.768)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	291.204.653.921	208.951.741.445
31	Thu nhập khác	22.015.300.335	2.054.742.133
32	Chi phí khác	(1.261.134.792)	(8.034.863.492)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	20.754.165.543	(5.980.121.359)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	311.958.819.464	202.971.620.086
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(65.285.650.845)	(41.683.854.167)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	13.244.324.016	215.267.614
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	259.917.492.635	161.503.033.533
Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty	196.876.420.745	112.802.672.882
62	Cổ đông không kiểm soát	63.041.071.890	48.700.360.651
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	534	421
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	534	421

Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	311.958.819.464	202.971.620.086
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	190.850.218.487	73.706.823.343
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng	(24.094.084.522)	32.063.250.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4.004.906.460)	(2.316.677.745)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(11.727.912.526)	(13.495.783.340)
06	Chi phí lãi vay và các chi phí đi vay khác	85.747.296.236	96.251.605.086
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	548.729.430.679	389.180.837.430
09	Tăng các khoản phải thu	(4.898.712.249)	(98.744.562.496)
10	Tăng hàng tồn kho	2.713.133.269	597.235.249
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(8.729.077.330)	233.627.156
12	Giảm chi phí trả trước	26.748.440.670	7.203.562.307
13	Tăng chứng khoán kinh doanh	(857.894.756.420)	(29.683.578.552)
14	Tiền lãi vay đã trả	(73.075.081.659)	(95.371.227.801)
15	Thuế TNDN đã nộp	(61.782.526.157)	(41.963.730.869)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(17.125.170.300)	(20.848.841.417)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(445.314.319.497)	110.603.321.007
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(153.577.351.909)	(11.513.031.378)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(316.500.000.000)	(45.000.000.000)
24	Tiền bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	283.100.000.000	447.816.299.943
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.720.000.000)	(1.581.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.002.500.000	216.207.541.998
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.741.988.334	19.870.833.752
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(171.952.863.575)	(953.618.355.685)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	127.040.000.000	1.333.956.420.000
33	Tiền thu từ đi vay	1.552.667.832.581	228.053.777.671
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(903.281.893.123)	(332.000.843.207)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(493.470.954)	(493.470.954)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	(32.450.000.000)	(103.655.095.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	743.482.468.504	1.125.860.788.310
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	126.215.285.432	282.845.753.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	546.631.384.396
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.912.504.109	2.316.677.745
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	676.759.173.937
			655.668.705.735

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được trình bày tại Thuyết minh 34.

 Đoàn Thị Phương Thảo Người lập	 Phạm Thanh Tuấn Kế toán trưởng	 Tạ Công Thông Tổng Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật Ngày 20 tháng 8 năm 2025
--	--	--

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi nhiều lần và lần gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con (gọi chung “Tập đoàn”) là cung cấp dịch vụ cảng biển bao gồm bốc dỡ container, chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi và các hoạt động vận chuyển khác; và thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và quản lý các khoản đầu tư.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ mà phụ thuộc vào biến động của thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xi nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 1.263 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.213 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 8 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 4 công ty liên kết (Thuyết minh 10) như sau:

		30/6/2025		31/12/2024		
		Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp						
1)	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74,35%	74,35%	74,35%	74,35%
2)	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66,34%	66,34%	66,34%	66,34%
3)	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
4)	Công ty TNHH Một thành viên VậnviênVận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5)	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6)	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7)	Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
8)	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (từ ngày 18/7/2024)	Hải Phòng	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty con gián tiếp						
1)	Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2)	Công ty Cổ phần Container Qui Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định	54,60%	65,00%	54,60%	65,00%
Công ty liên kết						
1)	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	30,83%	30,83%	30,83%	30,83%
2)	Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội (đến ngày 23/1/2025)	Hải Phòng	-	-	30,00%	30,00%
3)	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
4)	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Hải Phòng	40,22%	40,22%	40,22%	40,22%
5)	Công ty Cổ phần VHL Logistics	Hải Phòng	44,00%	44,00%	44,00%	44,00%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty con và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ kế toán.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghịệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghịệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)**

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Sau đó, phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tương ứng với tăng hoặc giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cổ tức hoặc lợi nhuận được phân từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Ngoài ra việc điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên kết quả hoạt động kinh doanh kỳ kế toán của đơn vị được nhận đầu tư. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ kế toán phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh 2.5).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Giấy phép khai thác cảng biển có từ hợp nhất kinh doanh được phân bổ trong 28 năm 3 tháng (kể từ thời điểm hợp nhất).

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.11 TSCĐ (tiếp theo)***Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình theo chính sách kế toán số 2.11 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên, thưởng cho ban quản lý điều hành của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tập đoàn chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tập đoàn không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 4);
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 10); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 9).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	4.586.848.381	2.254.810.590
Tiền gửi ngân hàng	320.703.325.556	337.856.573.806
Các khoản tương đương tiền (*)	351.469.000.000	206.520.000.000
	<u>676.759.173.937</u>	<u>546.631.384.396</u>

(*) Bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba	228.899.411.090	190.580.813.935
Trong đó:		
- Công ty TNHH KMTC (Việt Nam)	24.439.958.630	5.492.432.502
- Công ty Maersk Line A/S	16.047.680.151	41.120.317.448
- Khác	188.411.772.309	143.968.063.985
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	33.310.091.449	46.163.369.631
	<u>262.209.502.539</u>	<u>236.744.183.566</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(3.931.479.559)</u>	<u>(3.751.346.391)</u>

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến	10.597.195.620	1.483.877.660
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải Quốc tế Vitra	3.020.366.760	3.020.366.760
Khác	4.729.274.742	14.304.345.493
	<u>18.346.837.122</u>	<u>18.808.589.913</u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền bán chứng khoán kinh doanh đang chờ về	-	40.417.438.852
Phải thu liên quan đến việc điều chỉnh giá chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	20.800.000.000
Ký cược, ký quỹ	33.056.577.096	10.000.000.000
Chi hộ, trả hộ	21.006.384.140	15.423.824.586
Phải thu khác	17.733.050.121	16.432.246.236
	<u>71.796.011.357</u>	<u>103.073.509.674</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

7 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	6.141.691.862	-	4.645.504.999	-
Công cụ, dụng cụ	37.618.510.495	-	40.545.685.394	-
Hàng hóa	996.917.266	-	2.279.062.499	-
	<u>44.757.119.623</u>	<u>-</u>	<u>47.470.252.892</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	9.109.423.818	8.181.509.559
Chi phí thuê bến bãi	1.737.805.858	874.216.052
Chi phí bảo hiểm trả trước	2.339.434.558	1.908.032.978
Chi phí thuê văn phòng	1.340.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.421.086.035	6.729.592.425
	<u>17.947.750.269</u>	<u>17.693.351.014</u>

(b) Dài hạn

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền cơ sở hạ tầng (i)	652.363.628.364	669.107.662.984
Tiền thuê đất trả trước (ii)	440.748.393.465	447.269.803.067
Chi phí sửa chữa	9.507.929.844	12.831.853.416
Công cụ, dụng cụ	8.508.075.029	8.039.721.615
Chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng	7.287.943.684	9.456.988.868
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.303.928.347	6.016.708.708
	<u>1.125.719.898.733</u>	<u>1.152.722.738.658</u>

(i) Tiền cơ sở hạ tầng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng theo hợp đồng bao gồm:

- Tiền cơ sở hạ tầng tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con, cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 1 năm 2015 đến ngày 16 tháng 10 năm 2052 theo Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTDĐ ngày 22 tháng 1 năm 2015 ký với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.
- Tiền cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, công ty con, cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 và từ ngày 2 tháng 4 năm 2016 đến ngày 23 tháng 6 năm 2058 theo các hợp đồng thuê đất đề ngày 12 tháng 10 năm 2015 và ngày 2 tháng 4 năm 2016 ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 39(b)).

(ii) Số dư thể hiện tiền thuê đất đã trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê bao gồm:

- Tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh, công ty con, cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương.
- Tiền thuê hai lô đất CN3.2G và CN3.2I tại Khu Công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh, công ty con, cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 6 năm 2012 và từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 2 tháng 4 năm 2047 theo hai Hợp đồng thuê lại đất số DVIZJSC.009.2012.LLC.MKG đề ngày 12 tháng 6 năm 2012 và số DVIZJSC.035.2012.LLC.MKG đề ngày 20 tháng 12 năm 2012 ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ.
- Tiền thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ, công ty con, cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 7 năm 2013 đến ngày 15 tháng 11 năm 2052 theo hợp đồng thuê đất đề ngày 14 tháng 3 năm 2013 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, quyền sử dụng đất và quyền tài sản trên đất của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ, công ty con, đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(iii)).

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/6/2025 VND	Năm tài chính kết thúc 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.152.722.738.658	898.439.930.657
Tăng trong kỳ/năm	7.474.140.072	15.104.053.854
Tăng do hợp nhất trong kỳ/năm	-	294.851.257.143
Phân bổ trong kỳ/năm	(34.476.979.997)	(55.672.502.996)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>1.125.719.898.733</u>	<u>1.152.722.738.658</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

9 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.742.121.303.804	850.123.138.269	1.573.148.647.902	30.446.179.052	4.195.839.269.027
Mua mới trong kỳ	192.517.000	152.100.000.000	641.000.000	157.334.909	153.090.851.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(268.468.320)	(25.000.000)	-	(293.468.320)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.742.313.820.804	1.001.954.669.949	1.573.764.647.902	30.603.513.961	4.348.636.652.616
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(1.008.569.308.165)	(494.632.313.661)	(1.321.336.384.733)	(23.855.099.045)	(2.848.393.105.604)
Khấu hao trong kỳ	(49.321.753.093)	(39.343.068.969)	(35.943.363.485)	(1.139.015.457)	(125.747.201.004)
Thanh lý, nhượng bán	-	268.468.320	25.000.000	-	293.468.320
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	(1.057.891.061.258)	(533.706.914.310)	(1.357.254.748.218)	(24.994.114.502)	(2.973.846.838.288)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	733.551.995.639	355.490.824.608	251.812.263.169	6.591.080.007	1.347.446.163.423
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	684.422.759.546	468.247.755.639	216.509.899.684	5.609.399.459	1.374.789.814.328

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.387.518.174.100 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.363.646.821.428 Đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của Tập đoàn với giá trị còn lại là 729.566.866.797 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 39(b)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

9 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép khai thác càng biển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.417.853.001	31.531.747.259	2.284.048.000.000	2.320.997.600.260
Mua trong kỳ	-	486.500.000	-	486.500.000
	<u>5.417.853.001</u>	<u>32.018.247.259</u>	<u>2.284.048.000.000</u>	<u>2.321.484.100.260</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>5.417.853.001</u>	<u>32.018.247.259</u>	<u>2.284.048.000.000</u>	<u>2.321.484.100.260</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	-	(24.844.667.056)	(36.643.661.738)	(61.488.328.794)
Khấu hao trong kỳ	-	(1.119.379.838)	(40.071.017.544)	(41.190.397.382)
	<u>-</u>	<u>(25.964.046.894)</u>	<u>(76.714.679.282)</u>	<u>(102.678.726.176)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>-</u>	<u>(25.964.046.894)</u>	<u>(76.714.679.282)</u>	<u>(102.678.726.176)</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.417.853.001	6.687.080.203	2.247.404.338.262	2.259.509.271.466
	<u>5.417.853.001</u>	<u>6.687.080.203</u>	<u>2.247.404.338.262</u>	<u>2.259.509.271.466</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>5.417.853.001</u>	<u>6.054.200.365</u>	<u>2.207.333.320.718</u>	<u>2.218.805.374.084</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 18.635.477.259 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.873.315.749 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2025			31/12/2024		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.242.648.386.079	1.324.633.500.000	(1.898.516.173)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	232.492.951.173	247.635.327.800	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	99.191.861.545	124.340.040.000	-	147.694.731.400	124.952.200.000	(22.742.531.400)
Khác	62.702.681.304	66.773.000.000	(410.416.304)	166.460.489.935	179.648.550.000	(3.322.343.767)
	<u>1.404.542.928.928</u>	<u>1.515.746.540.000</u>	<u>(2.308.932.477)</u>	<u>546.648.172.508</u>	<u>552.236.077.800</u>	<u>(26.064.875.167)</u>
(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại (**)	<u>319.150.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>285.750.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>
(c) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship	382.157.880.816	265.263.180.000	-	382.026.715.426	301.991.928.000	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	346.163.948.939	(*)	-	347.561.855.412	(*)	-
Công ty Cổ phần VHL Logistics	15.444.000.000	(*)	-	9.724.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	13.981.506.702	38.628.000.000	-	15.313.506.702	45.288.000.000	-
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	-	-	-	4.581.186.174	(*)	-
	<u>757.747.336.457</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>759.207.263.714</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>
(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH MSC Việt Nam	<u>155.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>155.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,1%/năm đến 6,3%/năm).

Số dư bao gồm khoản tiền gửi có giá trị 1.360.000.000 Đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng nhằm bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền điện của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con, cho Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng.

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship VND	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ VND	Công ty Cổ phần VHL Logistics VND	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng VND	Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2025	382.026.715.426	347.561.855.412	9.724.000.000	15.313.506.702	4.581.186.174	759.207.263.714
Tăng đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ	-	-	5.720.000.000	-	-	5.720.000.000
Phần lãi/(lỗ) của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của các công ty liên kết	131.165.390	(1.397.906.473)	-	-	-	(1.266.741.083)
Cổ tức đã nhận	-	-	-	(1.332.000.000)	(2.075.417.792)	(3.407.417.792)
Thoái vốn đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ	-	-	-	-	(2.505.768.382)	(2.505.768.382)
Số dư tại 30 tháng 6 năm 2025	<u>382.157.880.816</u>	<u>346.163.948.939</u>	<u>15.444.000.000</u>	<u>13.981.506.702</u>	<u>-</u>	<u>757.747.336.457</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

11 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ VND	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.294.942.838	467.194.073.731	472.489.016.569
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.294.942.838	467.194.073.731	472.489.016.569
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(1.255.069.446)	(21.189.676.568)	(22.444.746.014)
Phân bổ trong kỳ	(264.747.142)	(23.359.703.687)	(23.624.450.829)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	(1.519.816.588)	(44.549.380.255)	(46.069.196.843)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.039.873.392	446.004.397.163	450.044.270.555
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.775.126.250	422.644.693.476	426.419.819.726

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba (*)	93.186.432.233	105.340.840.489
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	4.201.922.553	2.342.487.858
	<u>97.388.354.786</u>	<u>107.683.328.347</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số thực nộp trong kỳ VND	Cần trừ phải thu/phải nộp VND	Tại ngày 30/6/2025 VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	35.639.643.041	81.941.944.469	-	(71.950.298.731)	45.631.288.779
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Thuế thu nhập cá nhân	224.845.591	-	-	(131.665.180)	93.180.411
Thuế TNDN	2.572.438.151	-	-	(1.344.422.960)	1.228.015.191
Thuế đất	117.159.414	-	-	(117.159.414)	-
	2.914.443.156	-	-	(1.593.247.554)	1.321.195.602
(c) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	4.238.320.541	103.801.226.129	(22.531.486.926)	(71.950.298.731)	13.557.761.013
Thuế thu nhập cá nhân	8.119.850.774	19.626.333.887	(15.265.248.042)	(131.665.180)	12.349.271.439
Thuế TNDN	34.710.371.835	65.285.650.845	(61.782.526.157)	(1.344.422.960)	36.869.073.563
Thuế đất	-	6.500.286.631	(5.941.084.912)	(117.159.414)	442.042.305
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	571.337	55.896.935	(55.896.935)	-	571.337
	47.069.114.487	195.269.394.427	(105.576.242.972)	(73.543.546.285)	63.218.719.657

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí lương phải trả	18.926.599.137	31.355.606.919
Chi phí thưởng phải trả	-	39.257.742.550
	<u>18.926.599.137</u>	<u>70.613.349.469</u>

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí thưởng năng suất cho nhân viên dự trả	55.744.624.048	29.707.931.388
Chi phí lãi vay phải trả	37.351.965.469	33.060.492.638
Chi phí hoa hồng phải trả	10.826.073.249	8.330.428.540
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	18.013.852.973	5.598.459.592
	<u>121.936.515.739</u>	<u>76.697.312.158</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Cổ tức phải trả	145.018.864.300	349.373.450
Ký quỹ, ký cược	8.028.391.502	4.645.546.603
Khác	13.575.206.672	14.921.753.910
	<u>166.622.462.474</u>	<u>19.916.673.963</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Biến động của khoản vay trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Thanh toán trong kỳ VND	Lãi nhập gốc VND (Thuyết minh 34)	Phân loại lại VND	Tại ngày 30/6/2025 VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay bên thứ ba	298.766.741.896	1.470.667.832.581	(903.281.893.123)	9.403.671.035	(9.216.107.521)	866.340.244.868
Trong đó:						
- Vay ngân hàng (i)	54.200.672.280	14.582.965.145	(21.393.719.542)	-	(9.216.107.521)	38.173.810.362
- Vay các tổ chức khác (ii)	244.566.069.616	1.456.084.867.436	(881.888.173.581)	9.403.671.035	-	828.166.434.506
Thuê tài chính	986.941.908	-	(493.470.954)	-	493.470.954	986.941.908
	<u>299.753.683.804</u>	<u>1.470.667.832.581</u>	<u>(903.775.364.077)</u>	<u>9.403.671.035</u>	<u>(8.722.636.567)</u>	<u>867.327.186.776</u>
(b) Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (iii)	1.647.591.677.437	82.000.000.000	-	-	9.216.107.521	1.738.807.784.958
Thuê tài chính	2.707.260.719	-	-	-	(493.470.954)	2.213.789.765
	<u>1.650.298.938.156</u>	<u>82.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.722.636.567</u>	<u>1.741.021.574.723</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 5.965.595.320 Đồng của Công ty với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng số HPG20242027583/HDTD đề ngày 28 tháng 6 năm 2024, có thời hạn 1 năm với hạn mức 6 tỷ đồng với mục đích tài trợ vốn lưu động. Thời hạn của khoản vay là 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay là 5,61%/năm, được trả hàng tháng.
- Khoản vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 32.208.215.042 đồng của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng số 1603LAV240060024 đề ngày 4 tháng 7 năm 2024 và hợp đồng số 1603LAV250027705 đề ngày 14 tháng 3 năm 2025.

(ii) Số dư này phản ánh các khoản vay của Tập đoàn với các tổ chức với thời hạn vay từ 90 ngày tới 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân từng khoản vay. Lãi suất sẽ được thanh toán hàng tháng, hoặc nhập gốc hàng tháng hoặc sẽ được thanh toán vào cuối kỳ hạn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Tập đoàn và các bên cho vay. Mục đích vay là để đầu tư chứng khoán và bổ sung vốn lưu động. Toàn bộ cổ phiếu có trong tài khoản giao dịch của Tập đoàn tại các công ty chứng khoán được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iii) Số dư vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, có chi tiết như sau:

TT	Số hợp đồng vay	Mục đích vay	Số dư vay dài hạn tại ngày 30/6/2025 VND	Lãi suất	Thanh toán gốc và lãi vay	Thời hạn
1	1603LAV240060024 đề ngày 4 tháng 7 năm 2024	Tái tài trợ khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng để thanh toán tiền mua phần vốn góp của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.	671.727.784.958	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 24 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến tháng 2 năm 2025, sau đó được hoàn trả 3 tháng/lần trong 53 phân kỳ. Trong năm 2024, 3 phân kỳ hoàn trả gốc vay đầu tiên đã được Công ty thanh toán trước hạn với ngân hàng. Lịch hoàn trả gốc vay của các phân kỳ còn lại không thay đổi. Lãi vay được trả hàng tháng. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 8 năm 2024.	Ngày 17 tháng 5 năm 2038
2	1603LAV240060025 đề ngày 4 tháng 7 năm 2024	Thanh toán tiền mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ thuộc sở hữu của thành viên góp vốn là Công ty Đoàn Huy và Công ty Huy Hoàng.	700.000.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 24 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến 18 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được hoàn trả 6 tháng/lần trong 27 phân kỳ. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2025.	180 tháng kể từ ngày giải ngân
3	1603LAV240099068 đề ngày 12 tháng 9 năm 2024	Bù đắp vốn tự có đối với tiền nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.	290.000.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến 15 tháng, sau đó được hoàn trả 6 tháng/lần trong 26 phân kỳ. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2025.	Ngày 14 tháng 7 năm 2039
4	1603LAV250027705 đề ngày 14 tháng 3 năm 2025	Thanh toán tiền mua cầu QC cho mục đích đầu tư của Công ty	77.080.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7,5%/năm cho 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được hoàn trả 1 tháng/lần trong 96 phân kỳ. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 25 tháng 4 năm 2025 Lãi vay được trả 1 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 4 năm 2025.	Ngày 14 tháng 3 năm 2033
			1.738.807.784.958			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (iii) Số dư vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, có chi tiết như sau (tiếp theo):

Công ty sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

- 51% số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán VGR);
- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền tài sản trên đất, một số máy móc, phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ, vận chuyển của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ; và
- Một số máy móc, thiết bị của Công ty.

18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Dự phòng chi phí sửa chữa (*)	76.582.025.000	76.036.500.000

- (*) Chủ yếu bao gồm khoản dự phòng chi phí sửa chữa định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật cho việc nạo vét duy tu đoạn luồng Bạch Đằng – luồng hàng hải Hải Phòng mà Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con của Tập đoàn đang sử dụng.

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/6/2025 VND	Năm tài chính kết thúc 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	12.896.498.933	13.957.139.495
Trích lập trong kỳ/năm (Thuyết minh 22)	20.000.000.000	25.000.000.000
Sử dụng trong kỳ/năm	(6.370.070.300)	(26.060.640.562)
Số dư cuối kỳ/năm	26.526.428.633	12.896.498.933

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

20 THUẾ TNDN HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả (*)	517.134.453.438	530.378.777.454

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong kỳ kế toán/năm tài chính như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	530.378.777.454	30.412.872.712
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	512.337.000.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	(13.244.324.016)	(12.371.095.258)
Số dư cuối kỳ/năm	517.134.453.438	530.378.777.454

(*) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản do hợp nhất kinh doanh	2.741.222.167.938	2.811.599.624.589
Tính ở thuế suất áp dụng:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	25.524.841.596	27.014.995.156
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	491.609.611.842	503.363.782.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2024 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	374.370.362	286.796.819
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	374.370.362	286.796.819
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	374.370.362	286.796.819

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	30/6/2025		31/12/2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	68.125.000	18,20	46.225.000	16,12
Các cổ đông khác	306.245.362	81,80	240.571.819	83,88
	374.370.362	100	286.796.819	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số lượng	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	133.395.642	1.333.956.420.000
Cổ phiếu mới phát hành từ tăng vốn	133.395.642	1.333.956.420.000
Cổ phiếu mới phát hành từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	20.005.535	200.055.350.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	286.796.819	2.867.968.190.000
Cổ phiếu mới phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty ("ESOP") (Thuyết minh 22)	12.704.000	127.040.000.000
Cổ phiếu mới phát hành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 22)	65.887.212	658.872.120.000
Cổ phiếu mới phát hành từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	8.982.331	89.823.310.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	374.370.362	3.743.703.620.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.333.956.420.000	39.403.521.246	1.382.700.000	886.626.243.776	620.034.996.643	412.903.015.723	3.294.306.897.388
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	6.017.893.904	(6.017.893.904)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.000.000.000)	-	(25.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.604.306.005)	-	(5.604.306.005)
Vốn tăng trong năm	1.333.956.420.000	-	-	-	-	-	1.333.956.420.000
Chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	200.055.350.000	-	-	-	(200.055.350.000)	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(103.655.095.200)	(103.655.095.200)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	336.159.900.134	98.379.328.916	434.539.229.050
Ứng trước cổ tức năm nay cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(32.450.000.000)	(32.450.000.000)
Khác	-	94.000.000	-	-	-	(71.426.952)	22.573.048
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.867.968.190.000	39.497.521.246	1.382.700.000	892.644.137.680	719.517.346.868	375.105.822.487	4.896.115.718.281
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.152.924.768	(2.152.924.768)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) (i)	-	-	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(10.747.000.000)	-	(10.747.000.000)
Vốn tăng trong kỳ theo chương trình ESOP (ii)	127.040.000.000	-	-	-	-	-	127.040.000.000
Vốn tăng trong kỳ từ Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần (iii)	658.872.120.000	(39.403.521.246)	-	(619.468.598.754)	-	-	-
Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền (iii)	-	-	-	-	(149.750.409.500)	-	(149.750.409.500)
Chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (iv)	89.823.310.000	-	-	-	(89.823.310.000)	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát (v)	-	-	-	-	-	(32.450.000.000)	(32.450.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	196.876.420.745	63.041.071.890	259.917.492.635
Khác	-	-	-	-	-	(8.100.000)	(8.100.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.743.703.620.000	94.000.000	1.382.700.000	275.328.463.694	643.920.123.345	405.688.794.377	5.070.117.701.416

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

- (i) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 25 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi cũng như thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.
- (ii) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0228/2025/NQ-HĐQT đề ngày 28 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động. Ngày 7 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được Công văn số 88/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 12.704.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 127.040.000.000 Đồng.

- (iii) Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:3 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 3 cổ phiếu phổ thông mới) và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 100:22 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 22 cổ phiếu phổ thông mới), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 3 tháng 6 năm 2025.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0623/2025/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành 8.982.331 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty và 65.887.212 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 374.370.362 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 3.743.703.620.000 Đồng. Công ty đã nhận được Công văn số 2622/UBCK-QLCB đề ngày 19 tháng 6 năm 2025 của UBCKNN thông báo về việc UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Sau đó, ngày 24 tháng 6 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng đã cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 32 cho Công ty, trong đó thể hiện việc tăng vốn điều lệ lên 3.743.703.620.000 Đồng.

- (iv) Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về phương án trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% trên mệnh giá (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 500 Đồng) với tổng giá trị là 149.750.409.500 Đồng (đã bao gồm nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân với số tiền là 5.080.918.650 Đồng), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 13 tháng 6 năm 2025. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền nêu trên là ngày 11 tháng 7 năm 2025.
- (v) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT đề ngày 10 tháng 4 năm 2025, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con, đã phân phối 126.500.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 94.050.000.000 Đồng và cho các cổ đông không kiểm soát là 32.450.000.000 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 (Điều chỉnh lại (ii))
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	196.876.420.745	112.802.672.882
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(10.000.000.000)
	<u>196.876.420.745</u>	<u>102.802.672.882</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	368.637.962	244.250.038
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>534</u>	<u>421</u>

- (i) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả kinh doanh của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa được điều chỉnh tương ứng. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho toàn bộ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ được phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông sẽ tổ chức trong năm 2026 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.
- (ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu tính toán lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	112.802.672.882	-	112.802.672.882
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (*)	112.802.672.882	(10.000.000.000)	102.802.672.882
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	181.036.943	63.213.095	244.250.038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	<u>623</u>	<u>(202)</u>	<u>421</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được ước tính dựa trên số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2025 (Thuyết minh 22) và được điều chỉnh theo tỷ lệ số ngày trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chia cho tổng số ngày trong năm tài chính.

(**) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho tất cả các kỳ báo cáo sẽ được điều chỉnh hồi tố nếu số lượng cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu. Nếu những thay đổi đó xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính, số liệu được tính trên mỗi cổ phiếu của kỳ báo cáo hiện tại và mỗi kỳ báo cáo trước đó trên báo cáo tài chính được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu mới.

Do đó, số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức trong năm 2024 (Thuyết minh 22(iii)) và cổ phiếu phổ thông phát hành để tăng vốn chủ sở hữu từ quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần trong năm 2025 (Thuyết minh 22(iii)) và với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 6.660.083,31 Đô la Mỹ và 7,67 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.167.842,95 Đô la Mỹ và 7,67 Euro).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

25 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bốc dỡ và nâng hạ container	774.907.847.374	706.985.113.900
Doanh thu dịch vụ chuyển tiếp	211.192.472.064	150.699.810.417
Doanh thu dịch vụ đóng, dỡ hàng lẻ	207.848.901.867	190.103.784.345
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	151.022.268.549	159.664.237.606
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	67.072.188.399	49.522.058.112
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	76.985.836.539	46.977.711.496
	<u>1.489.029.514.792</u>	<u>1.303.952.715.876</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	<u><u>1.489.029.514.792</u></u>	<u><u>1.303.952.715.876</u></u>

26 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	165.508.767.293	146.940.310.237
Chi phí nguyên, vật liệu	85.827.754.078	87.611.715.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	164.212.444.579	71.880.396.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.354.652.022	381.014.317.611
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	74.571.472.372	71.078.157.221
Chi phí bốc dỡ, đóng hàng	56.359.832.081	57.170.645.440
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.833.419.507	29.312.571.696
Khác	21.187.642.427	33.990.865.767
	<u>1.007.855.984.359</u>	<u>878.998.980.166</u>

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi từ chứng khoán kinh doanh	82.259.177.701	10.137.282.117
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.762.921.991	13.426.338.896
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.809.513.286	5.699.049.925
	<u>100.831.612.978</u>	<u>29.262.670.938</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	85.747.296.236	96.251.605.086
Lỗ từ chứng khoán kinh doanh	17.573.070.165	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 10(a))	(23.755.942.690)	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.164.913.037	847.569.365
	<u>81.729.336.748</u>	<u>97.099.174.451</u>

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí hoa hồng	64.370.060.386	35.440.904.796
Chi phí quảng cáo	20.418.272.683	17.514.049.669
Chi phí nhân viên	6.556.493.216	4.512.654.028
Khác	4.954.342.590	3.957.578.934
	<u>96.299.168.875</u>	<u>61.425.187.427</u>

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	47.688.223.007	41.314.634.306
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 11)	23.624.450.829	264.747.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.934.295.363	17.993.931.046
Chi phí thuê và cải tạo văn phòng	7.745.021.800	9.477.307.982
Khác	11.513.251.785	7.637.120.292
	<u>111.505.242.784</u>	<u>76.687.740.768</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm (*)	21.294.271.055	-
Khác	721.029.280	2.054.742.133
	<u>22.015.300.335</u>	<u>2.054.742.133</u>
Chi phí khác		
Chi phí tất toán trước hạn khoản vay	-	7.509.811.724
Khác	1.261.134.792	525.051.768
	<u>1.261.134.792</u>	<u>8.034.863.492</u>
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>20.754.165.543</u>	<u>(5.980.121.359)</u>

(*) Đây là toàn bộ tiền bảo hiểm mà Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh, các công ty con của Công ty, được bồi thường do tổn thất tài sản dưới ảnh hưởng của bão Yagi. Trong đó, số tiền đã nhận được là 15.391.263.063 Đồng, số tiền còn lại được ghi nhận vào phải thu ngắn hạn khác.

32 THUẾ TNDN

Theo các Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh ("GLC"), Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("VGR"), Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("GIC") là các công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, được miễn thuế TNDN trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("NHDV") là công ty con của Công ty được miễn thuế TNDN trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các ưu đãi thuế trên chỉ được áp dụng cho các hoạt động kinh doanh chính đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp hoặc Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư lần đầu của các đơn vị này. Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất thông thường là 20%. Chi tiết ưu đãi thuế theo các năm được trình bày ở bảng dưới đây:

Công ty con	Ưu đãi thuế theo các năm			
	Thuế suất 10%	Miễn thuế TNDN	Giảm 50% thuế TNDN	Thuế suất 20%
GLC	2013 - 2027	2013 - 2016	2017 - 2025	Từ năm 2028 trở đi
VGR	2016 - 2030	2016 - 2019	2020 - 2028	Từ năm 2031 trở đi
GIC	2017 - 2031	2017 - 2020	2021 - 2029	Từ năm 2032 trở đi
NHDV	Không áp dụng	2014 - 2017	2018 - 2026	Từ năm 2027 trở đi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Các khoản thu nhập còn lại có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo mức thuế 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	311.958.819.464	202.971.620.086
Thuế tính ở thuế suất 20%	62.391.763.893	40.594.324.017
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	10.270.193.531	7.223.197.349
Ảnh hưởng của các ưu đãi thuế, giảm thuế	(34.407.358.236)	(23.950.857.061)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	8.300.291.660	12.831.990.422
Phân bổ lợi thế thương mại	4.724.890.166	-
Ảnh hưởng của hợp nhất kinh doanh	832.441.087	-
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	(925.076.446)
Chi phí lãi vay không được trừ (*)	-	4.251.103.019
(Lỗ)/lãi của công ty liên kết	(253.348.217)	2.010.512.511
Điều chỉnh khác	182.452.945	(566.607.258)
	<u>52.041.326.829</u>	<u>41.468.586.553</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:		
Thuế TNDN – hiện hành	65.285.650.845	41.683.854.167
Thuế TNDN – hoãn lại	(13.244.324.016)	(215.267.614)
	<u>52.041.326.829</u>	<u>41.468.586.553</u>

(*) Chi phí lãi vay không được trừ do vượt quá mức trần được quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP đề ngày 5 tháng 11 năm 2020 áp dụng đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Ngoài ra, theo quy định của Nghị định 132, phần chi phí lãi vay vượt trần chưa được khấu trừ thuế TNDN được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản chi phí lãi vay vượt trần ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Năm tài chính/ kỳ phát sinh chi phí	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số chi phí lãi vay vượt trần VND	Số chi phí lãi vay vượt trần đã được sử dụng VND	Số chi phí lãi vay còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2023	Chưa thanh tra	51.347.505.590	-	51.347.505.590
2024	Chưa thanh tra	17.974.019.930	-	17.974.019.930

(**) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con trong Tập đoàn có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

Năm tài chính/ kỳ phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa kiểm tra	15.768.746.790	-	15.768.746.790
2023	Chưa kiểm tra	100.849.589.810	-	100.849.589.810
2024	Chưa kiểm tra	167.888.790.635	-	167.888.790.635
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chưa kiểm tra	41.501.458.300	-	41.501.458.300

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng của Công ty và các công ty con của Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.272.874.597	87.611.715.420
Chi phí nhân viên	219.753.483.516	192.767.598.571
Chi phí khấu hao TSCĐ	190.850.218.487	73.706.823.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	540.949.547.499	497.369.504.716
Chi phí hoa hồng	64.370.060.386	35.440.904.796
Chi phí bốc dỡ, đóng hàng	56.359.832.081	57.170.645.440
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.342.808.070	29.312.571.696
Khác	39.761.571.382	43.732.144.379
	1.215.660.396.018	1.017.111.908.361

34 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi nhập gốc vay trong kỳ (Thuyết minh 17)	9.403.671.035	15.105.051.498
Cần trừ công nợ phải thu khác với khoản vay ngắn hạn	-	19.388.646.953
Cổ phiếu mới phát hành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 22)	658.872.120.000	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	89.823.310.000	200.055.350.000
Cổ tức bằng tiền phải trả (Thuyết minh 22)	149.750.409.500	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 1.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty liên kết (đến ngày 12/9/2024)
Công ty TNHH Tuyền Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết (đến ngày 23/1/2025)
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết (đến ngày 17/7/2024)
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VHL Logistics	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	Công ty liên quan khác
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Công ty liên quan khác
Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ gồm:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
i) <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	5.370.925.764	-
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	331.000.078	212.575.506
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	693.944.433
Công ty TNHH Tuyền Container T.S. Hà Nội	3.152.114.318	40.056.980.290
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	5.842.225.274
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	169.451.648.361	162.678.325.451
	<u>178.305.688.521</u>	<u>209.484.050.954</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
ii) Mua dịch vụ			
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship		8.758.333.161	-
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội		2.216.097.200	14.556.256.222
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng		330.127.433	214.557.701
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ		-	59.274.231.158
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		-	2.293.433.119
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ		-	680.000
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		-	2.077.282.971
		<u>11.304.557.794</u>	<u>78.416.441.171</u>
iii) Chi phí hoa hồng			
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		13.213.848.730	8.228.637.811
iv) Cổ tức đã nhận			
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội		(1.332.000.000)	(1.332.000.000)
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng		(2.075.417.792)	-
		<u>(3.407.417.792)</u>	<u>(1.332.000.000)</u>
v) Thù lao, lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm lương, thưởng, các khoản nhận được từ quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của Tập đoàn.			
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Chủ tịch (từ ngày 25/4/2025)	330.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (đến ngày 25/4/2025)		
	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)	1.628.500.000	1.457.500.000
Ông Tạ Công Thông	Thành viên	2.364.653.113	2.385.387.459
Ông Ninh Văn Hiến	Thành viên	500.000.000	-
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)	1.290.135.000	-
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	1.040.849.000	-
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên (đến ngày 10/6/2024)	-	1.613.070.443

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
v)	<i>Lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)</i>		
Ban Kiểm soát			
Bà Đoàn Thị Lan Anh	Trưởng ban (từ ngày 25/4/2025)	621.603.000	-
Ông Nguyễn Đức Thành	Trưởng ban (đến ngày 25/4/2024)	959.785.000	-
Bà NghiêM Thị Thùy Dương	Thành viên	576.560.298	-
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)	295.887.095	-
Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)	172.837.774	206.154.444
Ban Điều hành			
Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (đến ngày 28/2/2024)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/1/2025)	230.000.000	1.746.072.458
Bà Trương Anh Thư	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc tài chính	1.360.000.000	512.600.000
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/5/2025)	Như trên	-
Ông Vũ Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1.071.170.000	-
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc Tài chính (đến ngày 1/3/2024)	-	990.666.667
Ông Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng	1.209.000.000	511.600.000
Ông Lê Thế Trung	Chánh văn phòng HĐQT (đến ngày 1/6/2025) Kế toán trưởng (đến ngày 1/3/2024)	1.036.174.000	1.394.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán với các bên liên quan

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	27.864.797.383	36.450.305.336
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	5.389.794.066	-
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	-	8.964.351.215
Khác	55.500.000	748.713.080
	<u>33.310.091.449</u>	<u>46.163.369.631</u>
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	50.228.420	108.800.700
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	3.206.987.683	2.233.687.158
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	944.706.450	-
	<u>4.201.922.553</u>	<u>2.342.487.858</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025				
	Hoạt động bốc dỡ và nâng hạ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động đóng, dỡ hàng lẻ, hoạt động chuyển tiếp và hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng thu nhập của bộ phận	774.907.847.374	67.072.188.399	151.022.268.549	496.027.210.470	1.489.029.514.792
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(117.262.829.647)	(10.149.690.223)	(22.853.425.230)	(75.061.253.384)	(225.327.198.484)
Tổng chi phí phân bổ ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(515.380.627.892)	(44.608.796.631)	(100.442.848.597)	(329.900.924.414)	(990.333.197.534)
Tổng cộng	142.264.389.835	12.313.701.545	27.725.994.722	91.065.032.672	273.369.118.774
Lợi nhuận thuần về hoạt động tài chính					19.102.276.230
Thu nhập khác					22.015.300.335
Chi phí khác					(1.261.134.792)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(1.266.741.083)
Thuế TNDN					(52.041.326.829)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					259.917.492.635
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					153.577.351.909

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024				
	Hoạt động bốc dỡ và nâng hạ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động đóng, dỡ hàng lẻ, hoạt động chuyển tiếp và hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng thu nhập của bộ phận	706.985.113.900	49.522.058.112	159.664.237.606	387.781.306.258	1.303.952.715.876
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(51.734.524.828)	(3.623.838.882)	(11.683.631.384)	(28.376.384.766)	(95.418.379.860)
Tổng chi phí phân bổ ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(499.729.473.542)	(35.004.459.843)	(112.857.999.176)	(274.101.595.940)	(921.693.528.501)
Tổng cộng	155.521.115.530	10.893.759.387	35.122.607.046	85.303.325.552	286.840.807.515
Lỗ thuần về hoạt động tài chính					(67.836.503.513)
Thu nhập khác					2.054.742.133
Chi phí khác					(8.034.863.492)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(10.052.562.557)
Thuế TNDN					(41.468.586.553)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					161.503.033.533
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					(11.513.031.378)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Tại ngày 30/6/2025				
	Hoạt động bốc dỡ và nâng hạ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động đóng, dỡ hàng lẻ, hoạt động chuyển tiếp và hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	2.008.779.007.014	173.869.969.787	391.492.180.239	1.285.841.988.407	3.859.983.145.447
Tài sản không phân bổ					4.915.104.902.849
Tổng tài sản					8.775.088.048.296
Nợ phải trả của bộ phận	50.682.004.364	4.386.783.482	9.877.447.105	32.442.119.835	97.388.354.786
Các khoản nợ không phân bổ					3.607.581.992.094
Tổng nợ phải trả					3.704.970.346.880
	Tại ngày 31/12/2024				
	Hoạt động bốc dỡ và nâng hạ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Hoạt động đóng, dỡ hàng lẻ, hoạt động chuyển tiếp và hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	2.086.422.472.180	146.147.256.685	471.193.872.113	1.144.402.641.245	3.848.166.242.223
Tài sản không phân bổ					3.946.963.352.315
Tổng tài sản					7.795.129.594.538
Nợ phải trả của bộ phận	58.384.410.132	4.089.642.193	13.185.429.436	32.023.846.586	107.683.328.347
Các khoản nợ không phân bổ					2.791.330.547.910
Tổng nợ phải trả					2.899.013.876.257

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

37 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này nêu việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Tập đoàn có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Tập đoàn ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể nghĩa vụ hoàn nguyên. Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

38 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Dưới 1 năm	17.494.869.309	16.893.553.309
Từ 1 đến 5 năm	49.708.014.230	74.763.624.492
Trên 5 năm	70.942.857.011	71.898.706.270
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	138.145.740.550	163.555.884.071

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****39 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****(a) Các giao dịch đầu tư góp vốn****(i) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Harbour City**

Ngày 1 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0701/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng 65% phần vốn góp Công ty TNHH Harbour City. Theo đó, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc và phụ lục hợp đồng với đối tác và đã thực hiện đặt cọc 860 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(ii) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Hạ tầng Công nghiệp và Bất động sản Viconship (“BDSV”)

Ngày 2 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0702/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương ký hợp đồng đặt cọc với các đối tác để nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại BDSV. Theo đó, Công ty đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác và đã thực hiện đặt cọc 500 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(iii) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vật liệu Kim Trang (“VLKT”)

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0729/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương ký hợp đồng đặt cọc với các đối tác để nhận chuyển nhượng 20% phần vốn góp tại VLKT. Theo đó, Công ty đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác và đã thực hiện đặt cọc 400 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(iv) Góp vốn thành lập Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐQT thông qua việc góp vốn 60% để thành lập doanh nghiệp Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, việc góp vốn này chưa được hoàn thành.

(b) Các giao dịch tài chính**(i) Vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HD Bank”) – Chi nhánh Hải Phòng**

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 11478/25MB/HĐTD với HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng, với hạn mức là 900 tỷ đồng. Thời hạn của khoản vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân. Mục đích của khoản vay là để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Harbour City cho đối tác (Thuyết minh 39(a)(i)).

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2025 và ngày 2 tháng 7 năm 2025, HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng đã giải ngân cho đối tác lần lượt 467.421.000.000 Đồng và 392.579.000.000 Đồng để thực hiện việc đặt cọc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

**39 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(TIẾP THEO)**

(b) Các giao dịch tài chính (tiếp theo)

(i) Vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HD Bank”) – Chi nhánh Hải Phòng (tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Bất động sản (“BDS”) tọa lạc tại Thửa 4 lô 30A KĐTMT ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng;
- BDS tọa lạc tại Thửa 5 lô 30A KĐTMT ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng;
- Quyền sử dụng đất và quyền tài sản trên đất tại lô CN4.4F, lô CN4.4G và lô CN4.4H, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, công ty con của Công ty;
- Toàn bộ phần vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Harbour City.

(ii) Vay vốn doanh nghiệp

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay 400 tỷ đồng từ đối tác với thời hạn 6 tháng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và đã được giải ngân toàn bộ vào ngày 30 tháng 7 năm 2025.

(c) Các giao dịch khác

(i) Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Theo Báo cáo số 93/BC-VSC đề ngày 7 tháng 7 năm 2025 và Báo cáo số 101/BC-VSC đề ngày 23 tháng 7 năm 2025, Công ty đã thông báo với UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (mã cổ phiếu: VGR), công ty con của Công ty. Theo đó, Công ty đã bán thành công 12.650.000 cổ phiếu, tương ứng 20% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, theo hình thức khớp lệnh và thỏa thuận trong thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Sau khi hoàn tất giao dịch trên, Công ty đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP từ 74,35% xuống còn 54,35%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

**39 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(TIẾP THEO)**

(c) Các giao dịch khác (tiếp theo)

(ii) Thay đổi về cổ đông lớn của Công ty

Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 14 tháng 8 năm 2025, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty xuống còn 2,8%, qua đó không còn là cổ đông lớn của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2025.



Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật